

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X – KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 4352/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021 là 12.296.699.000.000 đồng (*mười hai nghìn hai trăm chín mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu đồng*). Trong đó:

- Vốn Ngân sách Trung ương: 392.199.000.000 đồng (*ba trăm chín mươi hai tỷ, một trăm chín mươi chín triệu đồng*). Trong đó: Vốn nước ngoài ODA là 40.109.000.000 đồng (*bốn mươi tỷ một trăm lẻ chín triệu đồng*) và vốn trong nước là 352.090.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi hai tỷ, không trăm chín mươi triệu đồng*).

- Vốn Ngân sách địa phương: 11.904.500.000.000 đồng (*mười một nghìn chín trăm lẻ bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*). Trong đó: Vốn cân đối theo tiêu chí: 3.966.160.000.000 đồng (*ba nghìn chín trăm sáu mươi sáu tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng*), vốn từ nguồn thu sử dụng đất: 2.913.840.000.000 đồng (*hai nghìn chín trăm mười ba tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng*), vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.620.000.000.000 đồng (*một nghìn sáu trăm hai mươi tỷ đồng*), bội chi ngân sách địa phương: 204.500.000.000 đồng (*hai trăm lẻ bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*), vốn bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương năm 2020: 2.500.000.000.000 đồng (*hai*

ngàn năm trăm tỷ đồng). Vốn bổ sung từ nguồn chưa giải ngân hết của Kế hoạch đầu tư công năm 2020: 700.000.000.000 đồng (bảy trăm tỷ đồng).

Phân bổ vốn đầu tư cho các dự án, công trình và các huyện, thị xã, thành phố, chủ đầu tư (*Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày thông qua; thay thế Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website. Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Tuấn.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chánh

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Đơn vị: triệu đồng

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh 2021	Số DA điều chỉnh	Tăng(+) /Giảm(-)
	TỔNG CỘNG	351	12.356.590	12.296.699	391	-59.891
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1	452.090	392.199	5	-59.891
A1	VỐN NSTW (TRONG NƯỚC)	1	352.090	352.090	4	0
A2	VỐN ODA		100.000	40.109	1	-59.891
B	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	350	11.904.500	11.904.500	386	0
B1	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	346	10.150.000	10.150.000	384	0
B1.1	VỐN TỈNH TẬP TRUNG	195	7.825.000	7.510.700	220	-314.300
I	Chuẩn bị đầu tư	88	1.007.566	204.640	89	-802.926
<i>1</i>	<i>Hạ tầng kinh tế</i>	<i>36</i>	<i>899.746</i>	<i>114.890</i>	<i>36</i>	<i>-784.856</i>
<i>2</i>	<i>Hạ tầng văn hóa - xã hội</i>	<i>36</i>	<i>72.120</i>	<i>72.100</i>	<i>36</i>	<i>-20</i>
<i>3</i>	<i>Quản lý nhà nước - An ninh - Quốc phòng</i>	<i>16</i>	<i>35.700</i>	<i>17.650</i>	<i>17</i>	<i>-18.050</i>
II	Thực hiện dự án	106	6.767.434	7.286.060	130	518.626
1	<i>Hạ tầng kinh tế</i>	<i>66</i>	<i>5.490.254</i>	<i>6.105.110</i>	<i>73</i>	<i>614.856</i>
2	<i>Hạ tầng văn hóa - xã hội</i>	<i>25</i>	<i>767.880</i>	<i>767.900</i>	<i>26</i>	<i>20</i>
3	<i>Quản lý nhà nước - An ninh - Quốc phòng</i>	<i>15</i>	<i>509.300</i>	<i>413.050</i>	<i>31</i>	<i>-96.250</i>
III	Quy hoạch tỉnh	1	50.000	20.000	1	-30.000
B1.2	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT	102	1.695.000	1.695.000	108	0
B1.3	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN	49	630.000	944.300	56	314.300
B2	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN		1.550.000	1.550.000		0
B3	VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4	204.500	204.500	2	0

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021
PHÂN THEO NGUỒN VỐN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh 2021	Số DA điều chỉnh	Tăng(+) /Giảm(-)
TỔNG CỘNG	148	3.315.010	3.708.400	161	393.390
UBND huyện Bắc Tân Uyên	14	247.800	286.700	15	38.900
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>113.800</i>	<i>113.800</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>11</i>	<i>84.000</i>	<i>84.000</i>	<i>12</i>	<i>0</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>3</i>	<i>50.000</i>	<i>88.900</i>	<i>3</i>	<i>38.900</i>
UBND huyện Bàu Bàng	16	256.100	236.800	17	-19.300
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>102.100</i>	<i>102.100</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>6</i>	<i>94.000</i>	<i>118.000</i>	<i>7</i>	<i>24.000</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>10</i>	<i>60.000</i>	<i>16.700</i>	<i>10</i>	<i>-43.300</i>
UBND huyện Dầu Tiếng	19	276.610	397.640	20	121.030
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>137.590</i>	<i>137.590</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>13</i>	<i>89.010</i>	<i>174.700</i>	<i>13</i>	<i>85.690</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>6</i>	<i>50.010</i>	<i>85.350</i>	<i>7</i>	<i>35.340</i>
UBND huyện Phú Giáo	19	263.420	275.010	18	11.590
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>123.570</i>	<i>123.570</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>9</i>	<i>89.000</i>	<i>89.000</i>	<i>9</i>	<i>0</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>10</i>	<i>50.850</i>	<i>62.440</i>	<i>9</i>	<i>11.590</i>
UBND thành phố Dĩ An	15	428.520	424.420	17	-4.100
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>221.520</i>	<i>221.520</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>13</i>	<i>157.000</i>	<i>157.000</i>	<i>14</i>	<i>0</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>2</i>	<i>50.000</i>	<i>45.900</i>	<i>3</i>	<i>-4.100</i>
UBND thành phố Thủ Dầu Một	20	607.090	822.930	24	215.840
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>237.090</i>	<i>237.090</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>15</i>	<i>205.000</i>	<i>205.000</i>	<i>16</i>	<i>0</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>5</i>	<i>165.000</i>	<i>380.840</i>	<i>8</i>	<i>215.840</i>
UBND thành phố Thuận An	19	559.300	493.750	19	-65.550
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>272.300</i>	<i>272.300</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>13</i>	<i>197.000</i>	<i>166.400</i>	<i>13</i>	<i>-30.600</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>6</i>	<i>90.000</i>	<i>55.050</i>	<i>6</i>	<i>-34.950</i>
UBND thị xã Bến Cát	14	326.360	421.340	16	94.980
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>166.360</i>	<i>166.360</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>10</i>	<i>110.000</i>	<i>110.000</i>	<i>10</i>	<i>0</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>4</i>	<i>50.000</i>	<i>144.980</i>	<i>6</i>	<i>94.980</i>
UBND thị xã Tân Uyên	12	349.810	349.810	15	0
<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>175.670</i>	<i>175.670</i>		<i>0</i>
<i>Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>9</i>	<i>110.000</i>	<i>110.000</i>	<i>11</i>	<i>0</i>
<i>Vốn tình hỗ trợ cấp huyện</i>	<i>3</i>	<i>64.140</i>	<i>64.140</i>	<i>4</i>	<i>0</i>

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: triệu đồng

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
	TỔNG CỘNG		88	1.007.566	204.640	89
A	Hạ tầng kinh tế		36	899.746	114.890	36
A1	Bảo vệ môi trường		3	55.096	34.800	2
1	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	50.000	30.000	1
2	Dự án chống ngập, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực ven sông Sài Gòn của tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	320	-	
3	Nạo vét, gia cố tuyến Suối Cái từ cầu Thợ Ụt đến sông Đồng Nai	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	4.776	4.800	1
A2	Cấp thoát nước		7	53.750	17.750	8
4	Cải tạo, khai thông suối Vàm Vá, huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	1	3.000	200	1
5	Đầu tư giải quyết ngập lưu vực rạch Ông Đảnh (từ Đại lộ Bình Dương đến sông Sài Gòn)	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	3.000	2.000	1
6	Di dời các tuyến ống cấp nước sạch nông thôn trên đường ĐT.746 đoạn từ cầu Gõ đến bến đò Hiếu Liêm	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn			250	1
7	Dự án tổng thể bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	20.000	5.000	1
8	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	4.000	4.000	1
9	Nâng cấp công suất nhà máy, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	750	1.300	1
10	Trục thoát nước Suối Giữa (đoạn từ sau trạm thu phí đến cầu Bà Cô gồm cả rạch Bung Cầu)	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	3.000	2.000	1
11	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	UBND thành phố Thuận An	1	20.000	3.000	1
A3	Giao thông		26	790.900	62.340	26
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ven sông Sài Gòn (đoạn từ đường Gia Long đến đường Vĩnh Phú 40)	UBND thành phố Thuận An	1	3.000	10	1
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ven sông Sài Gòn (đoạn từ rạch Bình Nhâm đến giáp cảng An Sơn)	UBND thành phố Thuận An	1	3.000	3.000	1
14	Đường Vành đai 4 đoạn từ ĐT.748 đến đường ĐT.744	UBND thị xã Bến Cát	1	3.000	300	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
15	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT.742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	UBND thị xã Tân Uyên	1	1.000	100	1
16	Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 13 đoạn từ cầu Ông Bô đến nút giao Hữu Nghị	UBND thành phố Thuận An	1	200.500	500	1
17	Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 13 đoạn từ công chào Vĩnh Phú đến ngã tư cầu Ông Bô	UBND thành phố Thuận An	1	500	500	1
18	Nâng cấp đường ĐT.746 đoạn từ Cầu Gõ đến bến đò Hiếu Liêm	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	6.000	6.000	1
19	Nâng cấp mở rộng đường An Bình và kết nối cầu vượt Sóng Thần	UBND thành phố Dĩ An	1	1.000	1.000	1
20	Nâng cấp, mở rộng ĐT.748 (đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	70.000	9.000	1
21	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.610	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.000	3.000	1
22	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741B	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	30.000	2.200	1
23	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cầu Cát)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.000	1.000	1
24	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.746 (đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	70.000	10.000	1
25	Nâng cấp, mở rộng đường ĐX.061	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông			670	1
26	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ CMT8 đến cảng An Sơn, thị xã Thuận An	UBND thành phố Thuận An	1	12.500	10	1
27	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu du lịch Lồng Hồ Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.000	1.000	1
28	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thành phố Dĩ An	1	55.000	1.000	1
29	Xây dựng cầu Tam Lập 2	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	1
30	Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bà Lụa - rạch Vàm Búng	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1.000	-	
31	Xây dựng đường N8 - N10 (từ Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	30.200	200	1
32	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã năm Phước Kiến	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	1.000	750	1
33	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư Chợ Đình	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	10.000	10.000	1
34	Xây dựng hệ thống thoát nước trên ĐT.744 đoạn qua xã Phú An, An Tây	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	10.000	2.900	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
35	Xây dựng Khu tái định cư An Thạnh, thị xã Thuận An	UBND thành phố Thuận An	1	203.000	3.000	1
36	Xây dựng mới đường ĐH.429	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	3.000	3.000	1
37	Xây dựng suối Bình Thắng (đoạn từ Đại học Quốc gia đến Quốc lộ 1A), phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	UBND thành phố Dĩ An	1	50.000	1.000	1
38	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến rạch Bảy Tra)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	22.000	2.000	1
B	Hạ tầng văn hóa - xã hội		36	72.120	72.100	36
B1	Các khoản chi khác theo quy định		1	3.000	3.000	1
39	Trang thiết bị nội thất cho Trung tâm hoạt động công đoàn tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động tỉnh	1	3.000	3.000	1
B2	Công nghệ thông tin		2	2.000	2.000	2
40	Xây dựng cơ sở dữ liệu về chứng thực, luật sư, giám định tư pháp.	Sở Tư pháp	1	1.000	1.000	1
41	Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh phục vụ triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh giai đoạn 2017 - 2018	Sở Thông tin Truyền thông	1	1.000	1.000	1
B3	Khoa học và Công nghệ		13	13.120	13.100	13
42	Đầu tư hệ thống wifi công cộng phục vụ người dân tại khu Trung tâm hành chính	Sở Thông tin Truyền thông	1	1.000	1.000	1
43	Đầu tư nâng cấp các Trung tâm dữ liệu	Sở Thông tin Truyền thông	1	1.000	1.000	1
44	Đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy	VP Tỉnh ủy	1	1.000	1.000	1
45	Đề xuất và thực hiện thí điểm mô hình quản lý GIS kết hợp BIM trong quản lý đầu tư xây dựng	Sở Xây dựng	1	1.000	1.000	1
46	Hệ thống quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử	VP UBND tỉnh	1	1.000	1.000	1
47	Hệ thống theo dõi, thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	VP UBND tỉnh	1	1.000	1.000	1
48	Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025	Sở Nội vụ	1	1.000	1.000	1
49	Nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và công nghệ	1	2.000	2.000	1
50	Nâng cao năng lực tạo lập và phát triển nguồn khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Sở Khoa học và công nghệ	1	120	100	1
51	Triển khai áp dụng mô hình cập nhật dữ liệu GIS ngành xây dựng theo quy trình nghiệp vụ	Sở Xây dựng	1	1.000	1.000	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
52	Ứng dụng công nghệ vệ tinh, viễn thám xây dựng nguồn dữ liệu tham chiếu định hướng cập nhật, số hóa dữ liệu về giao thông, quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng	Sở Xây dựng	1	1.000	1.000	1
53	Ứng dụng GIS 3D và các mô hình thành phố 3D trong công tác quản lý đô thị và các hoạt động xây dựng (thí điểm trên địa bàn tp Thủ Dầu Một)	Sở Xây dựng	1	1.000	1.000	1
54	Xây dựng hệ thống máy chủ vận hành dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	1.000	1.000	1
B4	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>		4	12.000	12.000	4
55	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc Bình Dương	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc Bình Dương	1	3.000	3.000	1
56	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Bình Dương	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	3.000	3.000	1
57	Trường Trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.000	3.000	1
58	Xây dựng khu văn phòng và hợp tác quốc tế đầu tư thiết bị đào tạo cho trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CĐN Việt Nam - Singapore	1	3.000	3.000	1
B5	<i>Sự nghiệp phát thanh truyền hình</i>		3	3.000	3.000	3
59	Camera cho phóng viên và thiết bị sản xuất chương trình	Đài Phát thanh và Truyền hình	1	1.000	1.000	1
60	Hệ thống quản trị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình	Đài Phát thanh và Truyền hình	1	1.000	1.000	1
61	Thiết bị chuyên dụng cho phóng viên tác nghiệp	Đài Phát thanh và Truyền hình	1	1.000	1.000	1
B6	<i>Sự nghiệp Thể dục Thể thao</i>		2	6.000	6.000	2
62	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương-Dự án 5: Trụ sở làm việc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1
63	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương - Dự án 6: Nhà dạy văn hóa và lý thuyết (500 HS)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1
B7	<i>Sự nghiệp văn hóa thông tin</i>		5	15.000	15.000	5
64	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 2)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
65	Dự án Trùng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	3.000	3.000	1
66	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo cổ Đốc Chùa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1
67	Xây dựng mới thư viện tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1
68	Xây dựng Tượng đài Trung tâm, nhà bia (nội dung văn bia), các hạng mục công trình phục chế, tranh tượng, phù điêu Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1
B8	Y tế		6	18.000	18.000	6
69	Bãi đậu xe, công viên, cây xanh và hàng rào trạm xử lý nước thải thuộc khu Quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.000	3.000	1
70	Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Định Hòa	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	3.000	3.000	1
71	Hệ thống thu gom nước thải Khu quy hoạch Định Hòa	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	3.000	3.000	1
72	Khởi giáo dục đào tạo - Khởi ký túc xá học viên, thân nhân người bệnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.000	3.000	1
73	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Phục hồi chức năng	BV điều dưỡng phục hồi chức năng	1	3.000	3.000	1
74	Trung tâm thông tin báo chí Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.000	3.000	1
C	Quản lý nhà nước - An ninh - Quốc phòng		16	35.700	17.650	17
CI	An ninh		2	26.500	8.950	4
75	Đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị PCCC và CNCH cho các đội cảnh sát PCCC khu vực trung tâm tỉnh	Công an tỉnh	1	26.000	4.500	1
76	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin vô tuyến bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác ANTT, PCCC và CNCH tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh			500	1
77	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2.	Công an tỉnh	1	500	3.750	1
78	Xây dựng nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên	Công an tỉnh			200	1
C2	Phát triển đô thị thông minh		5	2.500	2.500	5

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
79	Đầu tư mở rộng hệ thống quan trắc, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	500	500	1
80	Đầu tư trang thiết bị Thực hành mô hình, mô phỏng, Thư viện điện tử và Trung tâm hạ tầng công nghệ thông tin Trường Đại học Thủ Dầu Một	Đại học Thủ Dầu Một			500	1
81	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 2	Sở Thông tin Truyền thông	1	500	-	
82	Đầu tư xây dựng hệ thống mạng trực phục vụ kết nối Iot, Camera và các ứng dụng cho thành phố thông minh	Sở Thông tin Truyền thông	1	500	-	
83	Tích hợp, mở rộng hệ thống camera giám sát phục vụ thành phố thông minh	Sở Thông tin Truyền thông	1	500	500	1
84	Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Thư viện thông minh giai đoạn 2020-2022	Thư viện tỉnh			500	1
85	Xây dựng trụ sở Trung tâm điều hành thành phố thông minh Bình Dương	Sở Thông tin Truyền thông	1	500	500	1
C3	Quản lý nhà nước		2	1.500	1.000	2
86	Dự án: “Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính” (Giai đoạn 2)	Sở Nội vụ	1	500	500	1
87	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	500	1
C4	Quốc phòng		7	5.200	5.200	6
88	Đường tuần tra xung quanh khuôn viên Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	1.000	1
89	Hầm cát giấu Hậu cần - Kỹ thuật	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	100		
90	Hàng rào bảo vệ rừng nguyên sinh Khu CCHCKT tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	1.000	1
91	Xây dựng Đại đội Thông tin thuộc Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	1.000	1
92	Xây dựng mới Đại đội Kho vũ khí - đạn	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	1.000	1
93	Xây mới khu liên hợp thể thao giai đoạn 1 thuộc Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	1.000	1
94	Sở Chỉ huy cơ bản tỉnh Bình Dương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	100	200	1

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - THỰC HIỆN DỰ ÁN
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Đơn vị: triệu đồng

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
	TỔNG CỘNG		106	6.767.434	7.286.060	130
A	Hạ tầng kinh tế		66	5.490.254	6.105.110	73
A1	Dự án quyết toán		9	10.465	16.620	15
A11	Cấp thoát nước				1.300	4
1	Đắp tôn cao mặt đê bao ấp Mỹ Hào I	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh			200	1
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo kênh Ba Bò	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh			300	1
3	Hệ thống thoát nước thành phố Thủ Dầu Một - giai đoạn II	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh			600	1
4	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh			200	1
A12	Giao thông		9	10.465	15.320	11
5	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	1.000	250	1
6	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	315	350	1
7	Đường ĐT.744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km12+000	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	3.000	3.000	1
8	Đường ĐT.744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	1.000	1.000	1
9	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	2.405	2.450	1
10	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.275	1.300	1
11	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Mụn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	700	700	1
12	Xây dựng đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND thành phố Thủ Dầu Một			3.500	1
13	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn 1 (đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND thành phố Thủ Dầu Một			2.000	1
14	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	250	250	1
15	Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	520	520	1
A2	Dự án khởi công mới		27	1.882.211	2.458.200	27
A21	Bảo vệ môi trường		5	187.131	155.800	5

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
16	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Cống đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Cống đến cầu Bà Hên)	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	30.000	13.000	1
17	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	52.580	39.600	1
18	Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	45.551	53.300	1
19	Xây dựng hạ lưu các cống ngang đường ĐT.744 đoạn đi qua địa bàn huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	19.000	19.000	1
20	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên	1	40.000	30.900	1
A22	Cấp thoát nước		10	66.135	226.800	10
21	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	30.000	46.000	1
22	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	20.000	133.400	1
23	Đầu tư thêm các tuyến ống nhánh cấp nước tập trung nông thôn xã Long Tân, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	715	4.200	1
24	Đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bình Mỹ, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	1.280	7.400	1
25	Đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	500	2.900	1
26	Mở rộng tuyến ống cấp nước xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	280	2.300	1
27	Nâng cấp công suất nhà máy Phước Sang, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Hiệp, xã Phước Sang, huyện Phú Giáo	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	1.020	6.600	1
28	Nâng cấp công suất nhà máy, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã An Thái, huyện Phú Giáo	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	740	6.600	1
29	Nâng cấp công suất nhà máy, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Long, huyện Phú Giáo	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	800	6.900	1
30	Nâng công suất nhà máy, đầu tư thêm tuyến ống cấp nước công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bạch Đằng, xã Thạnh Hội, Thị xã Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	10.800	10.500	1
A23	Công nghiệp		1	30.000	27.800	1
31	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	1	30.000	27.800	1
A24	Giao thông		9	1.587.945	1.971.300	9
32	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình	1	12.480	3.000	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
		giao thông				
33	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	30.000	17.600	1
34	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Việt (đường Liên khu 1-5)	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	355.000	358.000	1
35	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.750 (đoạn từ ngã 4 Làng 5 đến trung tâm xã Định Hiệp)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	220.000	100.000	1
36	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thành phố Dĩ An	1	50.000	500.000	1
37	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	UBND thị xã Bến Cát	1	30.000	33.700	1
38	Xây dựng đường từ ngã ba Tam Lập đến Bàu Bàng thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	1	700.000	700.000	1
39	Xây dựng đường từ Tân Long - Lai Uyên thuộc tuyến tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	140.000	174.000	1
40	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	50.465	85.000	1
A25	Nông, lâm nghiệp		2	11.000	76.500	2
41	Mở thêm một số tuyến đường tuần tra trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	Ban QL rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	1	1.000	1.000	1
42	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	10.000	75.500	1
A3	Thanh toán khối lượng		30	3.597.578	3.630.290	31
A31	Bảo vệ môi trường		1	150.000	150.000	1
43	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	150.000	150.000	1
A32	Cấp thoát nước		8	815.053	854.450	8
44	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát (đoạn thuộc thị xã Thuận An)	UBND thành phố Thuận An	1	430.000	430.000	1
45	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động, trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	3.300	2.900	1
46	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND thành phố Dĩ An	1	30.000	66.000	1
47	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	117.990	118.000	1
48	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	180.173	180.000	1
49	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	52.465	52.500	1
50	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đòn	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	1.000	4.900	1
51	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	125	150	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
A33	Giao thông		20	2.611.525	2.604.840	21
52	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng KCN Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát			11.200	1
53	Đầu tư các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	50.000	69.500	1
54	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng cây ăn quả có múi xã Hiếu Liêm, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	910	1.500	1
55	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1	50.000	50.000	1
56	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thành phố Dĩ An	1	27.000	27.000	1
57	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	480	480	1
58	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	73.000	73.000	1
59	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	5.880	5.900	1
60	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	4.515	4.500	1
61	Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 13 đoạn từ nút giao Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong	UBND thành phố Thuận An	1	1.200.000	872.000	1
62	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp đường ĐT.741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	140.000	140.000	1
63	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài liệt sĩ Tân Phước Khánh	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	372.635	372.000	1
64	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	80.240	135.800	1
65	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	48.000	48.000	1
66	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	159.000	168.000	1
67	Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thành phố Dĩ An	1	29.300	120.460	1
68	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	1	1.900	900	1
69	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (Giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	11.040	9.000	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
70	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến Tọa lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	80.000	80.000	1
71	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	115.600	115.600	1
72	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	162.025	300.000	1
A34	Nông, lâm nghiệp		1	21.000	21.000	1
73	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	21.000	21.000	1
B	Hạ tầng văn hóa - xã hội		25	767.880	767.900	26
B1	Dự án chuyển tiếp		12	592.230	587.000	12
B11	Các khoản chi khác theo quy định		1	15.000	15.000	1
74	Xây dựng đường vào Khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh	UBND huyện Dầu Tiếng	1	15.000	15.000	1
B12	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1	50.000	50.000	1
75	Mở rộng Trung tâm Giáo dục lao động-Tạo việc làm tỉnh (Mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương)	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	50.000	50.000	1
B13	Sự nghiệp phát thanh truyền hình		1	57.500	57.000	1
76	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương tại TP. TDM	Đài Phát thanh và Truyền hình	1	57.500	57.000	1
B14	Sự nghiệp văn hóa thông tin		2	79.000	79.000	2
77	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	76.000	76.000	1
78	Trùng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	3.000	3.000	1
B15	Y tế		7	390.730	386.000	7
79	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	170.000	166.000	1
80	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND thị xã Tân Uyên	1	16.730	16.000	1
81	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 BVĐK 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	36.000	36.000	1
82	Khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	68.000	68.000	1
83	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1	16.000	16.000	1
84	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	44.000	44.000	1
85	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh	UBND huyện Bàu Bàng	1	40.000	40.000	1
B2	Dự án quyết toán		2	3.100	2.900	3
B21	Sự nghiệp phát thanh truyền hình		2	3.100	2.600	2
86	Trường quay – Nhà Bá âm FM Đài PT&TH Bình Dương.	Đài Phát thanh và Truyền hình	1	1.300	900	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
87	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh và Truyền hình	1	1.800	1.700	1
B22	Văn hóa				300	1
88	Trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			300	1
B3	Dự án khởi công mới		11	172.550	178.000	11
B31	Các khoản chi khác theo quy định		1	30.000	30.000	1
89	Xây dựng hàng rào Rừng Kiến An	UBND huyện Dầu Tiếng	1	30.000	30.000	1
B32	Sự nghiệp Thể dục Thể thao		4	40.000	40.000	4
90	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân tennis; Nhà thường trực (3 nhà)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	10.000	10.000	1
91	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	10.000	10.000	1
92	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	10.000	10.000	1
93	Xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương - Dự án 3: Khu dịch vụ (Ăn uống và nghỉ dưỡng của HLV và VĐV)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	10.000	10.000	1
B33	Sự nghiệp văn hóa thông tin		5	87.550	93.000	5
94	Dự án Trùng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	24.550	25.000	1
95	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	30.000	30.000	1
96	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm chiến khu D	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	13.000	13.000	1
97	Trung tâm văn hóa thể thao công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn Lao động tỉnh	1	10.000	15.000	1
98	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	10.000	10.000	1
B34	Y tế		1	15.000	15.000	1
99	Cải tạo sửa chữa mở rộng khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	15.000	15.000	1
C	Quản lý nhà nước - An ninh - Quốc phòng		15	509.300	413.050	31
C1	Dự án chuyên tiếp		9	492.800	377.400	9
C11	An ninh		1	56.000	56.000	1
100	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	1	56.000	56.000	1
C12	Phát triển đô thị thông minh		1	20.000	25.000	1
101	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 1	Sở Thông tin Truyền thông	1	20.000	25.000	1
C13	Quản lý nhà nước		7	416.800	296.400	7

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
102	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	2.000	14.800	1
103	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ	1	10.000	35.000	1
104	Kho lưu trữ của Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	70.000	42.000	1
105	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	20.000	1.500	1
106	Trung tâm Hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	100.000	100.000	1
107	Trung tâm Hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	100.000	60.000	1
108	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	114.800	43.100	1
C2	Dự án quyết toán		4	15.000	32.150	20
C21	An ninh		2	7.000	13.750	14
109	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng nhà tạm giữ Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh			350	1
110	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng nhà tạm giữ Công an Thị xã Bến Cát	Công an tỉnh			300	1
111	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng nhà tạm giữ Công an TP Thủ Dầu Một	Công an tỉnh			505	1
112	Đầu tư trang bị Hệ thống vô tuyến Trunking phục vụ chỉ huy và tác chiến của Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh			115	1
113	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh	1	1.000	4.425	1
114	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh			120	1
115	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy, nổ	Công an tỉnh			1.220	1
116	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	6.000	2.235	1
117	Trụ sở làm việc Công an Phường Chánh Phú Hòa	Công an tỉnh			15	1
118	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	Công an tỉnh			990	1
119	Xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh			130	1
120	Xây dựng Đội Cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (phường Phú Mỹ - TP. Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh			25	1
121	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực	Công an tỉnh			3.300	1
122	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh Bình Dương và Công an các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh			20	1
C22	Quốc phòng		2	8.000	18.400	6
123	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ Quân sự Quốc phòng của LLVT tỉnh Bình Dương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh			100	1
124	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Ban CHQS huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh			5.050	1
125	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Ban CHQS huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh			4.000	1

	Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
126	Xây dựng nhà ăn cho Đại đội huấn luyện chiến sỹ mới và Đại đội huấn luyện dự bị động viên của Trung đoàn BB6	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh			250	1
127	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	1.000	1
128	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	7.000	8.000	1
C3	Thực hiện dự án		2	1.500	3.500	2
C31	An ninh		1	500	500	1
129	Triển khai hệ thống Wifi tại Công an tỉnh Bình Dương và công thông tin điện tử	Công an tỉnh	1	500	500	1
C32	Quốc phòng		1	1.000	3.000	1
130	Hội Trường 350 chỗ thuộc Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.000	3.000	1

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Đơn vị: triệu đồng

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
	TỔNG CỘNG	102	1.695.000	1.695.000	108
A	Khối tỉnh	3	559.990	480.900	3
A1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2	552.990	473.900	2
<i>A11</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>2</i>	<i>552.990</i>	<i>473.900</i>	<i>2</i>
<i>A111</i>	<i>Y tế</i>	<i>2</i>	<i>552.990</i>	<i>473.900</i>	<i>2</i>
1	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	1	200.000	120.900	1
2	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	1	352.990	353.000	1
A2	Sở Lao động Thương binh Xã hội	1	7.000	7.000	1
<i>A21</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>	<i>7.000</i>	<i>7.000</i>	<i>1</i>
<i>A211</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1</i>	<i>7.000</i>	<i>7.000</i>	<i>1</i>
3	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	1	7.000	7.000	1
B	Khối huyện, thị xã, thành phố	99	1.135.010	1.214.100	105
B1	UBND huyện Bắc Tân Uyên	11	84.000	84.000	12
<i>B11</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<i>3</i>	<i>6.000</i>	<i>6.000</i>	<i>3</i>
<i>B111</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>3</i>	<i>6.000</i>	<i>6.000</i>	<i>3</i>
4	Trường Mầm non Bông Trang	1	2.000	2.000	1
5	Trường Tiểu học Tân Lập	1	2.000	2.000	1
6	Trường Trung học cơ sở Tân Định	1	2.000	2.000	1
<i>B12</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>5</i>	<i>63.000</i>	<i>61.800</i>	<i>5</i>
<i>B121</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>5</i>	<i>63.000</i>	<i>61.800</i>	<i>5</i>
7	Trường Mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	1	10.000	9.000	1
8	Trường Tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	1	10.000	5.400	1
9	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	1	12.000	18.800	1
10	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	1	16.000	7.100	1
11	Trường Trung học phổ thông Tân Bình	1	15.000	21.500	1
<i>B13</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>1</i>	<i>10.700</i>	<i>10.700</i>	<i>1</i>
<i>B131</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1</i>	<i>10.700</i>	<i>10.700</i>	<i>1</i>
12	Trường Mầm non Sơn Ca	1	10.700	10.700	1
<i>B14</i>	<i>Dự án quyết toán</i>	<i>2</i>	<i>4.300</i>	<i>5.500</i>	<i>3</i>
<i>B141</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2</i>	<i>4.300</i>	<i>5.500</i>	<i>3</i>
13	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	1	2.400	1.700	1
14	Trường Mầm non Tân Mỹ	1	1.900	3.500	1
15	Trường Tiểu học Tân Thành			300	1
B2	UBND huyện Bàu Bàng	6	94.000	118.000	7
<i>B21</i>	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>	<i>1</i>	<i>6.000</i>	<i>1.500</i>	<i>2</i>
<i>B211</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1</i>	<i>6.000</i>	<i>1.500</i>	<i>2</i>
16	Trường Mầm non Hưng Hòa			500	1
17	Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	1	6.000	1.000	1
<i>B22</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>2</i>	<i>69.000</i>	<i>61.500</i>	<i>2</i>
<i>B221</i>	<i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>2</i>	<i>69.000</i>	<i>61.500</i>	<i>2</i>
18	Trường Tiểu học Trừ Văn Thố	1	34.000	30.000	1

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
19	Trường Trung học cơ sở Cây Trường	1	35.000	31.500	1
B23	Dự án thiết kế BVTC-DT	3	19.000	55.000	3
B231	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	19.000	55.000	3
20	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Bàu Bàng	1	7.000	7.000	1
21	Cải tạo, NCMR trường THCS Lai Hưng	1	6.000	42.000	1
22	Xây dựng bổ sung phòng học Trường Tiểu học Kim Đồng	1	6.000	6.000	1
B3	UBND huyện Dầu Tiếng	13	89.010	174.700	13
B31	Chuẩn bị đầu tư	1	2.000	1.100	1
B311	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	2.000	1.100	1
23	Trường Trung học phổ thông Thanh Tuyền	1	2.000	1.100	1
B32	Dự án chuyển tiếp	3	37.320	38.800	3
B321	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	37.320	38.800	3
24	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	1	20.000	22.000	1
25	Trường THPT Long Hòa (giai đoạn 2)	1	13.320	12.700	1
26	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	1	4.000	4.100	1
B33	Dự án khởi công mới	4	41.755	127.000	4
B331	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4	41.755	127.000	4
27	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Long Hòa	1	10.000	24.000	1
28	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Long Tân	1	10.000	31.000	1
29	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Thanh Tuyền	1	10.000	28.000	1
30	Trường Tiểu học Minh Tân	1	11.755	44.000	1
B34	Dự án quyết toán	3	935	2.800	3
B341	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	935	2.800	3
31	Trường THCS Minh Tân (các hạng mục còn lại)	1	725	350	1
32	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	1	105	2.300	1
33	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	1	105	150	1
B35	Dự án thiết kế BVTC-DT	2	7.000	5.000	2
B351	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	2.000	2.000	1
34	Trường Mầm non An Lập	1	2.000	2.000	1
B352	Y tế	1	5.000	3.000	1
35	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Dầu Tiếng	1	5.000	3.000	1
B4	UBND huyện Phú Giáo	9	89.000	89.000	9
B41	Chuẩn bị đầu tư	3	9.000	2.800	3
B411	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	9.000	2.800	3
36	Trường Mầm non An Thái	1	3.000	500	1
37	Trường Tiểu học Tân Hiệp	1	3.000	1.400	1
38	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học An Long	1	3.000	900	1
B42	Dự án chuyển tiếp	3	44.800	45.400	3
B421	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	44.800	45.400	3
39	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	1	30.000	30.000	1
40	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	1	12.000	12.600	1
41	Trường Tiểu học An Thái giai đoạn 2	1	2.800	2.800	1
B43	Dự án khởi công mới	1	27.200	35.000	1
B431	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	27.200	35.000	1

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
42	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo (Trường THCS Nguyễn Trãi)	1	27.200	35.000	1
B44	Dự án thiết kế BVTC-DT	2	8.000	5.800	2
B441	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	3.000	800	1
43	Xây dựng bổ sung Trường Tiểu học Phước Sang	1	3.000	800	1
B442	Y tế	1	5.000	5.000	1
44	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	1	5.000	5.000	1
B5	UBND thành phố Dĩ An	13	157.000	157.000	14
B51	Chuẩn bị đầu tư	3	9.000	1.800	4
B511	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	9.000	1.800	4
45	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Nguyễn Khuyến	1	3.000	400	1
46	Trường Mầm non Châu Thới			400	1
47	Trường THCS Bình Thắng	1	3.000	700	1
48	Xây dựng bổ sung Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1	3.000	300	1
B52	Dự án chuyển tiếp	6	72.500	83.600	6
B521	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6	72.500	83.600	6
49	Mở rộng trường THCS Đông Hòa	1	2.000	2.200	1
50	Trường THCS Đông Chiêu	1	55.000	55.000	1
51	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1	5.000	8.000	1
52	Trường Tiểu học Đông Hòa C	1	3.500	8.000	1
53	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	1	3.500	6.400	1
54	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	1	3.500	4.000	1
B53	Dự án khởi công mới	3	73.200	68.600	3
B531	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	73.200	68.600	3
55	Trường TH Tân Bình B	1	30.000	25.600	1
56	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	1	20.000	20.000	1
57	Trường Tiểu học Châu Thới	1	23.200	23.000	1
B54	Dự án quyết toán	1	2.300	3.000	1
B541	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	2.300	3.000	1
58	Trường Mầm non Đông Hòa	1	2.300	3.000	1
B6	UBND thành phố Thủ Dầu Một	15	205.000	205.000	16
B61	Chuẩn bị đầu tư	6	3.000	4.100	6
B611	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6	3.000	4.100	6
59	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Định Hòa	1	500	900	1
60	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	1	500	800	1
61	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Phú Mỹ	1	500	700	1
62	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh Bình Dương	1	500	500	1
63	Xây dựng mới bổ sung Trường THCS Tương Bình Hiệp	1	500	700	1
64	Xây dựng mới bổ sung Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	1	500	500	1
B62	Dự án chuyển tiếp	8	150.500	154.700	8
B621	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8	150.500	154.700	8
65	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	1	7.000	8.900	1
66	Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THPT An Mỹ	1	29.000	29.000	1

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
67	Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THPT Bình Phú	1	15.000	15.000	1
68	Trường Mầm non Hòa Mí	1	30.000	23.900	1
69	Trường THCS Phú Hòa 2	1	40.000	39.000	1
70	Trường Tiểu học Định Hòa 2	1	20.000	20.000	1
71	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	1	3.500	9.800	1
72	Xây dựng mới bổ sung nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	1	6.000	9.100	1
B63	Dự án khởi công mới	1	51.500	46.100	1
B631	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	51.500	46.100	1
73	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường THCS Hòa Phú	1	51.500	46.100	1
B64	Dự án quyết toán			100	1
B641	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			100	1
74	Trường THCS Trần Bình Trọng			100	1
B7	UBND thành phố Thuận An	13	197.000	166.400	13
B71	Chuẩn bị đầu tư	3	6.000	1.600	3
B711	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	6.000	1.600	3
75	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THCS Nguyễn Trung Trực	1	2.000	700	1
76	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THCS Nguyễn Trưường Tộ	1	2.000	800	1
77	Trường Tiểu học Lái Thiêu 2	1	2.000	100	1
B72	Dự án chuyển tiếp	6	116.000	85.700	6
B721	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6	116.000	85.700	6
78	Trường mầm non Hoa Mai 2	1	40.000	35.000	1
79	Trường TH An Phú 3	1	26.000	700	1
80	Trường TH Bình Chuẩn 2	1	40.000	40.000	1
81	Trường THCS Bình Chuẩn	1	4.000	4.000	1
82	Trường THPT Lý Thái Tổ	1	4.000	4.000	1
83	Trường Tiểu học An Thạnh	1	2.000	2.000	1
B73	Dự án khởi công mới	1	29.000	35.000	1
B731	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	29.000	35.000	1
84	Trường Tiểu học An Phú 2	1	29.000	35.000	1
B74	Dự án thiết kế BVTC-DT	2	44.000	44.000	2
B741	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2	44.000	44.000	2
85	Cải tạo xây dựng bổ sung Trường Trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức	1	22.000	22.000	1
86	Xây dựng mới bổ sung Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	1	22.000	22.000	1
B75	(blank)	1	2.000	100	1
B751	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	2.000	100	1
87	Trường mầm non Hoa Cúc 2	1	2.000	100	1
B8	UBND thị xã Bến Cát	10	110.000	110.000	10
B81	Chuẩn bị đầu tư	2	4.000	900	2
B811	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2	4.000	900	2
88	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Lợi thành Trường tiểu học An Lợi	1	2.000	600	1
89	Trường Tiểu học An Sơn	1	2.000	300	1
B82	Dự án chuyển tiếp	4	56.000	76.800	4
B821	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4	56.000	76.800	4

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
90	Trường Tiểu học Hòa Lợi	1	19.000	35.800	1
91	Trường Tiểu học An Tây B (gđ 2)	1	17.000	10.300	1
92	Trường Trung học cơ sở An Điền giai đoạn 2	1	13.000	17.500	1
93	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát	1	7.000	13.200	1
B83	Dự án khởi công mới	2	46.000	27.000	2
B831	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2	46.000	27.000	2
94	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học phổ thông Tây Nam	1	20.000	12.000	1
95	Trường THCS Mỹ Thạnh	1	26.000	15.000	1
B84	Dự án quyết toán	1	2.000	450	1
B841	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	2.000	450	1
96	Trường tiểu học Định Phước	1	2.000	450	1
B85	Dự án thiết kế BVTC-DT	1	2.000	4.850	1
B851	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	2.000	4.850	1
97	Trường THCS Hòa Lợi	1	2.000	4.850	1
B9	UBND thị xã Tân Uyên	9	110.000	110.000	11
B91	Chuẩn bị đầu tư	2	2.000	200	2
B911	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2	2.000	200	2
98	Trường THCS Hội Nghĩa	1	1.000	100	1
99	Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B	1	1.000	100	1
B92	Dự án chuyển tiếp	3	60.000	61.200	3
B921	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	60.000	61.200	3
100	Trường Mầm non Thạnh Phước	1	15.000	15.000	1
101	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	1	15.000	10.000	1
102	Trường THPT Thái Hòa	1	30.000	36.200	1
B93	Dự án khởi công mới	4	48.000	48.100	4
B931	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4	48.000	48.100	4
103	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	1	10.000	10.000	1
104	Trường TH Khánh Bình	1	13.000	100	1
105	Trường TH Tân Phước Khánh B	1	10.000	10.000	1
106	Trường THCS Vĩnh Tân	1	15.000	28.000	1
B94	Dự án quyết toán			500	2
B941	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			500	2
107	Trường THCS Tân Hiệp			400	1
108	Trường Tiểu học Thái Hòa B			100	1

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - VỐN TỈNH
HỖ TRỢ CẤP HUYỆN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: triệu đồng

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
	TỔNG CỘNG	49	630.000	944.300	56
A	UBND huyện Bắc Tân Uyên	3	50.000	88.900	3
A1	Thực hiện dự án	3	50.000	88.900	3
A11	Giao thông	1	5.000	3.500	1
1	Tuyến đường dọc Sông Bé, huyện Bắc Tân Uyên	1	5.000	3.500	1
A12	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	5.000	3.400	1
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	1	5.000	3.400	1
A13	Y tế	1	40.000	82.000	1
3	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn I: 60 giường)	1	40.000	82.000	1
B	UBND huyện Bàu Bàng	10	60.000	16.700	10
B1	Chuẩn bị đầu tư	9	28.000	6.700	9
B11	Giao thông	8	24.000	6.000	8
4	BTNN đường từ nhà ông Cương - ông Bình xã Lai Hưng	1	3.000	1.000	1
5	BTNN đường từ Quốc lộ 13 - nhà ông Quân xã Lai Hưng	1	3.000	1.000	1
6	BTNN đường Bà Ngọc Châu - Dốc Đồng Sở (Lai Uyên -95)	1	3.000	1.000	1
7	BTNN đường liên tổ 3-4 ấp Sa Thềm xã Long Nguyên	1	3.000	1.000	1
8	BTNN tuyến Ông Hùng - Ông Lộc và tuyến cao su Bà Bầy đến suối Đồng Bầy ấp Bà Tứ xã Cây Trường	1	3.000	1.000	1
9	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.613	1	3.000	800	1
10	Xây dựng đường ĐH.619	1	3.000	100	1
11	Xây dựng đường ĐH.623	1	3.000	100	1
B12	Văn hóa	1	4.000	700	1
12	Trung tâm văn hóa, thể thao - Học tập cộng đồng xã Hưng Hòa	1	4.000	700	1
B2	Thực hiện dự án	1	32.000	10.000	1
B21	Giao thông	1	32.000	10.000	1
13	Xây dựng mới đường ĐH.618	1	32.000	10.000	1
C	UBND huyện Dầu Tiếng	6	50.010	85.350	7
C02	Dự án quyết toán			10	1
I	Giao thông			10	1
14	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa (đoạn qua xã Định An - giai đoạn 2)			10	1
C1	Thực hiện dự án	5	49.510	84.840	5
C11	Giao thông	5	49.510	84.840	5
15	Mở rộng đường từ trước Huyện uỷ - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng Tám	1	775	40	1
16	Nâng cấp các tuyến đường còn lại trong khu trung tâm văn hóa thể thao huyện	1	10.000	20.000	1
17	Nâng cấp nhựa đường ĐH.721 từ ĐT.749a đến ĐT.750)	1	10.965	9.050	1
18	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.704 đoạn từ xã Thanh An đến Định Hiệp - giai đoạn 2	1	17.270	25.750	1

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
19	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.704 (đoạn từ trường THPT Phan Bội Châu đến ngã tư Minh Hòa)	1	10.500	30.000	1
C2	Chuẩn bị đầu tư	1	500	500	1
C21	Giao thông	1	500	500	1
20	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.749A đoạn qua trung tâm xã Long Hòa	1	500	500	1
D	UBND huyện Phú Giáo	10	50.850	62.440	9
D1	Chuẩn bị đầu tư	3	2.500	300	3
D11	Giao thông	3	2.500	300	3
21	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.504	1	1.500	100	1
22	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.506	1	500	100	1
23	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Công Chúa Ngọc Hân qua đoạn 3/2 đi ĐH.501 giáp tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng	1	500	100	1
D12	Dự án quyết toán	4	14.820	12.340	4
II	Giao thông	4	14.820	12.340	4
24	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	1	4.670	3.855	1
25	Nâng cấp đường Công Triết	1	250	265	1
26	Nâng cấp Đường ĐH.515	1	6.200	5.850	1
27	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.519	1	3.700	2.370	1
D2	Thực hiện dự án	3	33.530	49.800	2
D21	Giao thông	3	33.530	49.800	2
28	Đường ĐH.512 (Đường Kiểm)	1	3.340	-	
29	Nâng cấp mở rộng đường ĐH.507 (từ đường ĐT.741 đi Trại giam An Phước)	1	27.310	48.800	1
30	Xây dựng Đường Trần Quang Diệu nối dài	1	2.880	1.000	1
E	UBND thành phố Dĩ An	2	50.000	45.900	3
E1	Dự án quyết toán			4.900	1
E11	Văn hóa			4.900	1
31	Khu di tích cách mạng và du lịch sinh thái Hồ Lang giai đoạn 1			4.900	1
E2	Thực hiện dự án	2	50.000	41.000	2
E21	Giao thông	2	50.000	41.000	2
32	Nâng cấp, mở rộng đường 30 tháng 4	1	5.000	1.000	1
33	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	1	45.000	40.000	1
F	UBND thành phố Thủ Dầu Một	5	165.000	380.840	8
F1	Chuẩn bị đầu tư	1	1.000	100	1
F11	Giao thông	1	1.000	100	1
34	Đường trục chính Đông Tây	1	1.000	100	1
F2	Dự án quyết toán			7.100	3
F21	Giao thông			4.900	2
35	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ đại lộ Bình Dương đến đường Huỳnh Văn Lũy), phường Định Hòa			4.300	1
36	Xây dựng đường từ Cách mạng Tháng Tám đến Nguyễn Tri Phương (tổ 36. khu 5), phường Chánh Nghĩa			600	1
F22	Quốc phòng			2.200	1
37	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một, phường Định Hòa			2.200	1
F3	Thực hiện dự án	4	164.000	373.640	4
F31	Giao thông	4	164.000	373.640	4
38	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	1	60.000	71.800	1

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
39	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thổ Ngừ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	1	19.000	100	1
40	Đường Trần Văn Ôn	1	5.000	2.200	1
41	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX.144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	1	80.000	299.540	1
G	UBND thành phố Thuận An	6	90.000	55.050	6
G1	Chuẩn bị đầu tư	1	500	500	1
G11	Giao thông	1	500	500	1
42	Đường Vĩnh Phú 32	1	500	500	1
G12	Dự án quyết toán	3	22.550	22.550	3
III	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3	22.550	22.550	3
43	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	1	2.550	2.550	1
44	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	1	5.000	5.000	1
45	Trường Tiểu học Lê Thị Trung	1	15.000	15.000	1
G2	Thực hiện dự án	2	66.950	32.000	2
G21	Giao thông	1	36.950	2.000	1
46	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	1	36.950	2.000	1
G22	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1	30.000	30.000	1
47	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	1	30.000	30.000	1
H	UBND thị xã Bến Cát	4	50.000	144.980	6
H03	Dự án quyết toán			500	1
IV	Giao thông			500	1
48	Đường gò Cào Cào			500	1
H1	Thực hiện dự án	3	48.000	144.280	3
H11	Giao thông	2	40.000	136.280	2
49	Khai thông, uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tính	1	20.000	66.280	1
50	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	1	20.000	70.000	1
H12	Văn hóa	1	8.000	8.000	1
51	Xây dựng công viên dọc sông Thị Tính (đoạn qua chợ Bến Cát)	1	8.000	8.000	1
H2	Chuẩn bị đầu tư	1	2.000	200	2
V	Giao thông			200	2
52	Tuyến đường từ Lộ 7A đến Trung tâm hành chính xã An Điền, thị xã Bến Cát			100	1
53	Xây dựng đường ven sông Thị Tính (đoạn từ Cầu Đò - Đình Bến tranh)			100	1
H21	Văn hóa	1	2.000	-	
54	Xây dựng công viên Phú Thứ xã Phú An	1	2.000	-	
I	UBND thị xã Tân Uyên	3	64.140	64.140	4
I1	Dự án quyết toán	1	4.140	4.140	2

	Danh mục	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
I11	Giao thông	1	4.140	4.140	2
55	Nâng cấp mặt đường ĐH.406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình			3.650	1
56	Nâng cấp mặt đường ĐH.406 (đoạn từ ngã tư xã cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên	1	4.140	490	1
I2	Thực hiện dự án	2	60.000	60.000	2
I21	Giao thông	2	60.000	60.000	2
57	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	1	30.000	30.000	1
58	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A), thị xã Tân Uyên	1	30.000	30.000	1

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - VỐN ODA (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
Hạ tầng kinh tế			-	40.109	1
Bảo vệ môi trường			-	40.109	1
Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh		-	40.109	1
Chưa phân bổ			100.000		
TỔNG CỘNG			100.000	40.109	1

Phụ lục VIII**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - VỐN NSTW (TRONG NƯỚC)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
Hạ tầng kinh tế		1	31.240	352.090	4
Bảo vệ môi trường				260.080	1
Nạo vét, gia cố tuyến Suối Cái từ cầu Thợ Ụt đến sông Đồng Nai	Ban QLDA ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			260.080	1
Giao thông		1	31.240	92.010	3
Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thành phố Dĩ An	1	31.240	31.240	1
Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thành phố Dĩ An			10.770	1
Xây dựng đường từ cầu Tam Lập đến Đồng Phú thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo			50.000	1
Chưa phân bổ			320.850		
TỔNG CỘNG		1	352.090	352.090	4

Phụ lục IX

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 - VỐN BỘI CHI NSDP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	Chủ đầu tư	Số DA đầu năm	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	Số DA điều chỉnh
Hạ tầng kinh tế		4	204.500	104.541	2
Bảo vệ môi trường		2	147.741	97.741	1
Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	97.741	97.741	1
Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	50.000		
Cấp thoát nước		1	49.959		
Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải tỉnh	1	49.959		
Giao thông		1	6.800	6.800	1
Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại Bình Dương	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông	1	6.800	6.800	1
Chưa phân bổ				99.959	
TỔNG CỘNG		4	204.500	204.500	2